

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÚC KHẢO
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2016 - 2017

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	101162101126	Lê Văn Hùng	10C1B	Công nghệ chế tạo máy	101018316201302	Công nghệ Chế tạo máy 2	2	4	
2	101150059	Hoàng Văn Anh	15C1B	Công nghệ chế tạo máy	103109216201502	Thủy khí & Máy thủy khí	1	6	
3	101150114	Nguyễn Trung Dũng	15C1C	Công nghệ chế tạo máy	106106216201512	Kỹ thuật Điện tử	1	1	
4	101160065	Mai Thanh Tùng	16C1A	Công nghệ chế tạo máy	106106216201602	Kỹ thuật Điện tử	5	5	
5	101141091102	Lê Việt Anh	09C1A	Công nghệ chế tạo máy	10801131620xx92	Thiết bị nâng chuyển	5	7	
6	101150113	Trần Minh Đức	15C1C	Công nghệ chế tạo máy	108071016201502	Sức bền vật liệu	3	3	
7	101162101126	Lê Văn Hùng	10C1B	Công nghệ chế tạo máy	108071016201520	Sức bền vật liệu	2	2	
8	101120239	Trần Thái Kiên	12C1C	Công nghệ chế tạo máy	108072016201403	Cơ sở thiết kế máy	2.5	2.5	
9	101160065	Mai Thanh Tùng	16C1A	Công nghệ chế tạo máy	305001116201632	Vật lý 1	3.5	3.5	
10	101160029	Đậu Văn Linh	16C1A	Công nghệ chế tạo máy	319012116201623	Giải tích 2	2	2	
11	109150255	Trần Quốc Lập	15VLXD	Công nghệ KT Vật liệu XD	104045116201564	Kỹ thuật nhiệt	6	6	
12	109150271	Nguyễn Tấn	15VLXD	Công nghệ KT Vật liệu XD	209014116201645	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3.5	3.5	
13	107150293	Đinh Thị Thùy Hiếu	15SH	Công nghệ Sinh học	107265216201548	Quá trình thủy lực & cơ học	2.8	2.8	
14	107140266	Nguyễn Thị Kiều Loan	14SH	Công nghệ Sinh học	107270316201448	Cơ sở sinh học phân tử	7.5	7.5	
15	107140270	Võ Thị Nhân	14SH	Công nghệ Sinh học	107270316201448	Cơ sở sinh học phân tử	5.5	5	
16	107140286	Huỳnh Đình Nguyên Thịnh	14SH	Công nghệ Sinh học	107270316201448	Cơ sở sinh học phân tử	3.5	3.5	
17	107150309	Nguyễn Như Thị Nga	15SH	Công nghệ Sinh học	107271316201548	Hóa phân tích	5.5	6	
18	107150330	Nguyễn Thị Trinh	15SH	Công nghệ Sinh học	107271316201548	Hóa phân tích	5.5	5.5	
19	107130183	Trần Trung Hiếu	13SH	Công nghệ Sinh học	107281316201348	Công nghệ Enzym	3.5	3.5	
20	107150309	Nguyễn Như Thị Nga	15SH	Công nghệ Sinh học	209012116201533	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	7	7	
21	107150330	Nguyễn Thị Trinh	15SH	Công nghệ Sinh học	209012116201533	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	6	6	
22	107160245	Phạm Lê Vi	16SH	Công nghệ Sinh học	209014116201657	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	5	5	
23	107160227	Nguyễn Như Quỳnh	16SH	Công nghệ Sinh học	305001116201645	Vật lý 1	2	3	
24	107160227	Nguyễn Như Quỳnh	16SH	Công nghệ Sinh học	319013116201648	Đại số	4	5	
25	107160237	Liên Thanh Toàn	16SH	Công nghệ Sinh học	319013116201675	Đại số	2	2	
26	102160108	Nguyễn Công Phú	16T2	Công nghệ Thông tin	102007216201610	Phương pháp tính	6	6	
27	102150124	Nguyễn Văn Phụng	15T2	Công nghệ Thông tin	106106216201511	Kỹ thuật Điện tử	7.5	9	
28	102160028	Lê Thị Thu Hiền	16TLT	Công nghệ Thông tin	106106216201511	Kỹ thuật Điện tử	1	1	
29	102150171	Đoàn Công Khanh	15T3	Công nghệ Thông tin	106106216201512	Kỹ thuật Điện tử	1	1	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
30	102150028	Nguyễn Tiến Dũng	15T1	Công nghệ Thông tin	106106216201520	Kỹ thuật Điện tử	2	4	
31	102160040	Nguyễn Đình Hân	16T1	Công nghệ Thông tin	108040116201618	Vẽ Kỹ thuật	2	3	
32	102160028	Lê Thị Thu Hiền	16TLT	Công nghệ Thông tin	108049116201511	Cơ học ứng dụng	5	5	
33	102150118	Phan Cảnh Nhất	15T2	Công nghệ Thông tin	117001116201533	Môi trường	4	5	
34	102150188	Dương Minh Phúc	15T3	Công nghệ Thông tin	209010116201581	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	
35	102150118	Phan Cảnh Nhất	15T2	Công nghệ Thông tin	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2.5	
36	102150166	Trần Mạnh Hùng	15T3	Công nghệ Thông tin	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2.5	
37	102150188	Dương Minh Phúc	15T3	Công nghệ Thông tin	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	3	
38	102150074	Hồ Viết Phú Toàn	15T1	Công nghệ Thông tin	209014116201522	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
39	102160108	Nguyễn Công Phú	16T2	Công nghệ Thông tin	209014116201605	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
40	102160031	Nguyễn Quang Bảo	16T1	Công nghệ Thông tin	305001116201610	Vật lý 1	2.5	2.5	
41	102160094	Nguyễn Văn Hoàng	16T2	Công nghệ Thông tin	305001116201617	Vật lý 1	5	5.5	
42	102160100	Nguyễn Quốc Khánh	16T2	Công nghệ Thông tin	319012116201605	Giải tích 2	2	2	
43	102160144	Bùi Đoàn Quang Huy	16T3	Công nghệ Thông tin	319012116201610	Giải tích 2	1	4.5	
44	102160069	Trần Anh Thư	16T1	Công nghệ Thông tin	319012116201620	Giải tích 2	6	6	
45	102160030	Trương Hùng Anh	16T1	Công nghệ Thông tin	319012116201622	Giải tích 2	1	1	
46	102160030	Trương Hùng Anh	16T1	Công nghệ Thông tin	319013116201623	Đại số	2	3	
47	102160094	Nguyễn Văn Hoàng	16T2	Công nghệ Thông tin	319013116201648	Đại số	7	7	
48	102140174	Đặng Bảo Đạt	14TCLC1	Công nghệ Thông tin - CLC	102209316201414	Ngôn ngữ hình thức	2	2	
49	102140213	Nguyễn Thị Lâm Oanh	14TCLC2	Công nghệ Thông tin - CLC	102209316201415	Ngôn ngữ hình thức	1	1	
50	102160209	Lê Minh Đức	16TCLC2	Công nghệ Thông tin - CLC	209014116201615	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
51	102160211	Trần Văn Dương	16TCLC2	Công nghệ Thông tin - CLC	209014116201615	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
52	102160207	Nguyễn Hữu Công	16TCLC2	Công nghệ Thông tin - CLC	319020016201615	Đại số tuyến tính	2	2	
53	102150224	Phạm Vũ Hùng	15TCLC1	Công nghệ Thông tin - CLC	319022016201514	Xác suất thống kê	2.5	3.5	
54	107140083	Nguyễn Thị Thanh Nga	14H2A	Công nghệ Thực phẩm	107267316201445	Quá trình & Thiết bị truyền chất	3.5	3.5	
55	107160120	Lê Đăng Pháp	16H2	Công nghệ Thực phẩm	209014116201639	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2.5	
56	107160085	Dương Võ Hoàng Hà	16H2	Công nghệ Thực phẩm	319012116201650	Giải tích 2	1	1	
57	107160095	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16H2	Công nghệ Thực phẩm	319012116201664	Giải tích 2	4.5	5.5	
58	123160004	Trần Thanh Diễm Chi	16ECE	CTTT- Điện tử viễn thông	123002016201655	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
59	123160016	Nguyễn Thanh Hùng	16ECE	CTTT- Điện tử viễn thông	123002016201655	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	4	4	
60	123160056	Nguyễn Hồng Kỳ	16ES	CTTT- Hệ thống Nhúng	123002016201656	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
61	123160057	Nguyễn Thanh Lâm	16ES	CTTT- Hệ thống Nhúng	123002016201656	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
62	121140122	Nguyễn Lê Trường Tin	14KT2	Kiến trúc	209014116201510	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
63	118160028	Nguyễn Hoàng Long	16KX1	Kinh tế Xây dựng	209014116201683	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
64	118160092	Phạm Đình Nam	16KX2	Kinh tế Xây dựng	305001116201684	Vật lý 1	1	1	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
65	118160107	Nguyễn Thị Hoài Thu	16KX2	Kinh tế Xây dựng	319012116201684	Giải tích 2	1	1	
66	101130180	Phan Huy Thành	13CDT1	Kỹ thuật Cơ Điện tử	101137316201305	Hệ thống cơ điện tử 2	7	6	
67	101160207	Phan Thái Trình	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	106106216201601	Kỹ thuật Điện tử	1	1	
68	101160187	Ngô Xuân Lộc	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	209014116201602	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
69	101160191	Đinh Sỹ Nhân	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	209014116201602	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
70	101160197	Nguyễn Nhật Quang	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	209014116201605	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	3	
71	101160177	Đoàn Ngọc Dũng	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	305001116201601	Vật lý 1	3.5	4	
72	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	103008316201417	Kết cấu tính toán động cơ đốt trong	2.5	3.5	
73	103140080	Thái Văn Dũng	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103008316201418	Kết cấu tính toán động cơ đốt trong	2	2.5	
74	103140094	Phạm Trung Kiên	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103008316201418	Kết cấu tính toán động cơ đốt trong	4.5	4.5	
75	103120163	Võ Dương Quý	12C4B	Kỹ thuật cơ khí	103156216201618	Nhập môn ngành	0	0	
76	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	103161016201417	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1	1	
77	103140118	Trần Tấn Thịnh	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201417	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1.5	1.5	
78	103140127	Trần Văn Trường	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201417	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1	1.5	
79	103140080	Thái Văn Dũng	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201418	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1	0.5	
80	103140090	Lê Văn Hoàn	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201418	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1	0.5	
81	103140094	Phạm Trung Kiên	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201418	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1	0.5	
82	103140114	Phan Văn Tâm	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201418	Lý thuyết ô tô & máy công trình	2	2	
83	103140124	Nguyễn Hữu Trọng	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	103161016201418	Lý thuyết ô tô & máy công trình	1.5	1	
84	103120095	Nguyễn Đức Thắng	12C4A	Kỹ thuật cơ khí	103163016201420	Máy & Truyền động thủy khí	6	6	
85	103110145	Nguyễn Khắc Nhật	11C4A	Kỹ thuật cơ khí	10806131620xx92	Vẽ kỹ thuật cơ khí	0	1.5	
86	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	108063016201422	Truyền động cơ khí	4	4	
87	103160111	Trần Đình Lộc	16C4B	Kỹ thuật cơ khí	209014116201601	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
88	103160112	Huỳnh Hữu Luật	16C4B	Kỹ thuật cơ khí	305001116201601	Vật lý 1	2.5	2.5	
89	103140080	Thái Văn Dũng	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	319018216201418	Toán chuyên ngành	2	2	
90	111120092	Bùi Ngọc Ry	12X2	Kỹ thuật Công trình thủy	110205016201468	Cơ học kết cấu 2	3	3	
91	111140111	Nguyễn Đức Trí	14X2A	Kỹ thuật Công trình thủy	110205016201475	Cơ học kết cấu 2	3.5	3.5	
92	111150068	Nguyễn Quang An	15X2	Kỹ thuật Công trình thủy	111127216201575	Thủy lực	2	6.5	
93	111150082	Nguyễn Mạnh Hùng	15X2	Kỹ thuật Công trình thủy	111127216201575	Thủy lực	3	3	
94	110150048	Phan Đức Khương	15X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	104045116201568	Kỹ thuật nhiệt	2.5	2.5	
95	110150050	Đoàn Lâm	15X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	104045116201568	Kỹ thuật nhiệt	3	3	
96	110150122	Lê Quốc Hoàng	15X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	104045116201568	Kỹ thuật nhiệt	2.5	2.5	
97	110140213	Trần Đình Tiến	14X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110006216201460	Kết cấu bê tông cốt thép 1	2	2	
98	110120229	Nguyễn Đình Thắng	12X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110205016201469	Cơ học kết cấu 2	2	2	
99	110140213	Trần Đình Tiến	14X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110206016201468	Toán chuyên ngành XD	3.3	3.3	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
100	110150012	Trương Lê Công Thảo	15X1LT	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110209016201367	Phương pháp tính	1.5	1.5	
101	110130062	Nguyễn Văn Tiến	13X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110209016201368	Phương pháp tính	1	1	
102	110130184	Nguyễn Nguyễn Quế	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110209016201368	Phương pháp tính	1	1	
103	110130185	Lê Minh Quý	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110209016201369	Phương pháp tính	2	2	
104	110110224	Trần Quang Đạo	11X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110210016201367	Kết cấu thép 2	2.5	3	
105	110110230	Phan Xuân Hậu	11X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110210016201367	Kết cấu thép 2	2.5	2.5	
106	110130184	Nguyễn Nguyễn Quế	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110210016201368	Kết cấu thép 2	4	3.5	
107	110130193	Trần Hoàng Thảo	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110210016201369	Kết cấu thép 2	3	2.5	
108	110130213	Nguyễn Trung Vũ	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110210016201369	Kết cấu thép 2	1.5	1	
109	110130068	Lê Nhật Tuấn	13X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	110212016201367	Kỹ thuật Thi công	1.5	1.5	
110	110160139	Nguyễn Hoàng Bảo	16X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	209014116201684	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
111	110160238	Trần Phước Lâm	16X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	319012116201601	Giải tích 2	1	1	
112	107110343	Hoàng Mạnh Quân	11H5	Kỹ thuật Dầu Khí	10804911620xx92	Cơ học ứng dụng	5	6	
113	107150229	Phạm Thị Thùy Linh	15H5	Kỹ thuật Dầu Khí	319004116201552	Xác suất thống kê	7.5	7.5	
114	107160152	Lê Việt Quốc Duy	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	108040116201653	Vẽ Kỹ thuật	2.5	3.5	
115	107160159	Phạm Văn Hiền	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	108040116201653	Vẽ Kỹ thuật	2	3.5	
116	107160148	Phạm Phú Châu	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2.5	
117	107160150	Lê Đức Danh	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	3	
118	107160151	Lê Văn Duy	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
119	107160152	Lê Việt Quốc Duy	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1.5	
120	107160153	Phan Mỹ Duyên	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
121	107160154	Nguyễn Thị Hồng Hà	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2.5	
122	107160155	Hồ Trung Hải	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2.5	
123	107160156	Dương Công Hào	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	3	
124	107160157	Bùi Công Hậu	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
125	107160158	Võ Ngọc Hậu	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	0.5	2.5	
126	107160159	Phạm Văn Hiền	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3.5	3.5	
127	107160160	Hoàng Như Hiếu	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	2	
128	107160161	Võ Thị Hòa	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3.5	5	
129	107160163	Nguyễn Huy Hoàng	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	2.5	
130	107160165	Bùi Quang Nhật Huy	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2.5	
131	107160166	Nguyễn Đức Lộc	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1.5	
132	107160167	Nguyễn Viết Lộc	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	4	
133	107160168	Lê Nguyễn Hoàng Long	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
134	107160169	Nguyễn Phát Ngọc Mạnh	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	3.5	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
135	107160170	Nguyễn Văn Mạnh	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
136	107160171	Phạm Thị Thùy Minh	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	4.5	5.5	
137	107160172	Đỗ Uyển My	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	4.5	4.5	
138	107160173	Huỳnh Nhật Nam	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	3.5	
139	107160174	Lê Văn Nam	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
140	107160175	Nguyễn Tư Nghĩa	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
141	107160176	Phạm Bá Ngọc	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	3.5	
142	107160178	Nguyễn Tấn Phát	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
143	107160179	Trịnh Trần Hồng Phát	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	2	
144	107160180	Nguyễn Xuân Quang	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
145	107160181	Nguyễn Chánh Sang	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2	
146	107160182	Trương Tấn Sang	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
147	107160183	Phan Tú Tài	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2.5	
148	107160184	Lê Bình Tân	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	4.5	4.5	
149	107160185	Lê Hữu Tân	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	5	5	
150	107160186	Huỳnh Phạm Công Thành	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	0	0	
151	107160187	Đinh Xuân Thiện	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2.5	
152	107160188	Phan Phú Thịnh	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	2	
153	107160189	Trần Phi Thọ	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	3	
154	107160190	Trần Hữu Huy Thông	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	4	4	
155	107160191	Huỳnh Lâm Nhật Tiến	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	4	
156	107160192	Phan Xuân Tư	16H5CLC1	Kỹ thuật Dầu Khí - CLC	209014116201653	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	0.5	1	
157	106120217	Đặng Văn Vinh	12DT4	Kỹ thuật điện tử và VT	106074216201538	Kỹ thuật Mạch điện tử 1	2.5	2.5	
158	106140162	Hồ Văn Miên	14DT3	Kỹ thuật điện tử và VT	106075216201438	Kỹ thuật Mạch điện tử 2	7	7.5	
159	106150153	Lê Đức Hoàng Việt	15DT2	Kỹ thuật điện tử và VT	106117016201540	Toán chuyên ngành	2	2	
160	106150009	Trương Quang Du	15DT1	Kỹ thuật điện tử và VT	117001116201510	Môi trường	5	5	
161	106160046	Nguyễn Chi Sáng	16DT1	Kỹ thuật điện tử và VT	209014116201660	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3	3	
162	106160018	Trần Minh Đạt	16DT1	Kỹ thuật điện tử và VT	305064116201638	Vật lý 2	5	6.5	
163	105140095	Nguyễn Tiến Cẩn	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	105022316201427	Ngắn mạch trong Hệ thống điện	6	6	
164	105140142	Nguyễn Xuân Ngọc Sáng	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	105022316201427	Ngắn mạch trong Hệ thống điện	2	2	
165	105140102	Huỳnh Tấn Điền	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	105023316201427	Mạng điện	5	5	
166	105140219	Dương Hiền Thao	14D3	Kỹ thuật Điện, điện tử	105023316201429	Mạng điện	6	6	
167	105120122	Nguyễn Minh Thông	12D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	105064316201328	Vận hành Nhà máy thủy điện	1	1	
168	105130938	Trần Đức Mai	13D1VA	Kỹ thuật Điện, điện tử	105064316201329	Vận hành Nhà máy thủy điện	1	1	
169	105130162	Châu Ngọc Huy	13D3	Kỹ thuật Điện, điện tử	105064316201329	Vận hành Nhà máy thủy điện	1	1	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
170	105130125	Nguyễn Văn Thanh	13D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	105064316201330	Vận hành Nhà máy thủy điện	4	1	
171	105150071	Nguyễn Ngọc Võ	15D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	105137316201528	Lý thuyết Mạch điện 2	1	1.5	
172	105130938	Trần Đức Mai	13D1VA	Kỹ thuật Điện, điện tử	105147316201329	Phần điện trong NM điện & TBA	1	1	
173	105130015	Lê Văn Danh	13D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	105147316201330	Phần điện trong NM điện & TBA	3.5	3.5	
174	105140095	Nguyễn Tiến Cẩn	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	108049116201427	Cơ học ứng dụng	4	4	
175	105130134	Nguyễn Quang Trí	13D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	108049116201428	Cơ học ứng dụng	2	2	
176	105140126	Võ Thiên Lang	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	108049116201429	Cơ học ứng dụng	3	3	
177	105140154	Lê Minh Tính	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	108049116201429	Cơ học ứng dụng	3	3	
178	105130036	Hồ Hữu Anh Linh	13D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	108049116201433	Cơ học ứng dụng	4	4	
179	105160009	Đinh Văn Thành Đạt	16D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	117001116201659	Môi trường	4.5	4.5	
180	105150085	Đặng Đình Dương	15D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
181	105160103	Trương Công Trí	16D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	209014116201627	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3	3	
182	105160079	Võ Quốc Huy	16D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	319012116201632	Giải tích 2	2	2	
183	105120347	Trịnh Ngọc Văn	12DCLC	Kỹ thuật Điện, điện tử - CLC	105048316201334	Mô hình hoá & M.phòng HT Đ.khiển	8	9	
184	105130244	Nguyễn Đình Tuấn	13DCLC	Kỹ thuật Điện, điện tử - CLC	105048316201334	Mô hình hoá & M.phòng HT Đ.khiển	4	4	
185	105130235	Phan Kỳ Thanh	13DCLC	Kỹ thuật Điện, điện tử - CLC	105140216201533	Phương pháp tính	5	5	
186	105130343	Ngô Văn Tài	13TDH2	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	105138316201557	Máy điện 1	2	2	
187	105120449	Lê Đức Hoàng Viên	12TDH	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	108049116201432	Cơ học ứng dụng	2	2	
188	105130248	Võ Tá Ân	13TDH1	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	108049116201433	Cơ học ứng dụng	2	2	
189	105150288	Nguyễn Thanh Phước	15TDH1	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	117001116201328	Môi trường	4.5	5.5	
190	105160174	Hồ Lê Khang	16TDH	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	209014116201632	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
191	105160202	Nguyễn Phúc Thành	16TDH	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH	209014116201632	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	2	
192	105150349	Lê Việt Tiến	15TDHCLC	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH - CLC	105138316201535	Máy điện 1	2	2	
193	105150321	Lê Minh Hoàng	15TDHCLC	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH - CLC	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
194	105150349	Lê Việt Tiến	15TDHCLC	Kỹ thuật Điều khiển & TĐH - CLC	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2.5	2.5	
195	107140036	Lê Thanh Tân	14H1,4	Kỹ thuật Hóa học	107265216201548	Quá trình thủy lực & cơ học	2.5	3.5	
196	107160068	Trương Công Tiến	16H14	Kỹ thuật Hóa học	209014116201627	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
197	107150034	Ông Thị Tuyết Ngân	15H1,4	Kỹ thuật Hóa học	305001116201618	Vật lý 1	1	0.5	
198	107160043	Nguyễn Ngọc Thanh Nga	16H14	Kỹ thuật Hóa học	319012116201650	Giải tích 2	2	2	
199	117120071	Trần Trọng Quý	12MT	Kỹ thuật Môi trường	319012116201605	Giải tích 2	2	2	
200	117160063	Võ Văn Quý	16MT	Kỹ thuật Môi trường	319012116201683	Giải tích 2	3.5	3.5	
201	104140165	Võ Bá Phúc	14NL	Kỹ thuật Năng lượng & MT	10807001620xx93	Cơ lý thuyết	4.5	4.5	
202	104110099	Võ Thiện Ngọc Hùng	11N	Kỹ thuật nhiệt	104054316201423	Năng lượng tái tạo	0	2.5	
203	104150073	Nguyễn Quang Vinh	15N1	Kỹ thuật nhiệt	104077316201522	Kỹ thuật cháy	1.5	1.5	
204	104140025	Trương Văn Huân	14N1	Kỹ thuật nhiệt	104079316201422	Lò hơi 1	3	3	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
205	104110144	Mai Văn Toàn	11N	Kỹ thuật nhiệt	104089316201325	Nhà máy nhiệt điện	3.5	4	
206	104140049	Nguyễn Văn Thịnh	14N1	Kỹ thuật nhiệt	104100016201422	Kỹ thuật lạnh	7.5	7.5	
207	104120092	Nguyễn Viết Bình	12N2	Kỹ thuật nhiệt	104100016201423	Kỹ thuật lạnh	1	1	
208	104120098	Nguyễn Hữu Diệu	12N2	Kỹ thuật nhiệt	104100016201425	Kỹ thuật lạnh	4.5	4.5	
209	104120098	Nguyễn Hữu Diệu	12N2	Kỹ thuật nhiệt	106106216201520	Kỹ thuật Điện tử	3	3	
210	104140029	Hoàng Đăng Khoa	14N1	Kỹ thuật nhiệt	108063016201422	Truyền động cơ khí	6	6.5	
211	103150218	Huỳnh Tấn Thiện	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	103157016201520	Thủy khí	1	1	
212	103140153	Lê Chí Lâm	14KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	103163016201420	Máy & Truyền động thủy khí	2	2	
213	103150190	Nguyễn Văn Kha	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	104045116201520	Kỹ thuật nhiệt	2.5	2.5	
214	103150209	Phan Ngọc Tân	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	104045116201520	Kỹ thuật nhiệt	1	1	
215	103150216	Ngô Văn Thảo	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	104045116201520	Kỹ thuật nhiệt	3.5	3.5	
216	103150223	Phan Duy Tính	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	104045116201520	Kỹ thuật nhiệt	3	3	
217	103150195	Hồ Đình Lê Khương	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	106106216201520	Kỹ thuật Điện tử	2	2	
218	103150209	Phan Ngọc Tân	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	106106216201520	Kỹ thuật Điện tử	1	1	
219	103150218	Huỳnh Tấn Thiện	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	106106216201520	Kỹ thuật Điện tử	2	2	
220	103150209	Phan Ngọc Tân	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	108071016201520	Sức bền vật liệu	2	2	
221	103150190	Nguyễn Văn Kha	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
222	103150218	Huỳnh Tấn Thiện	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
223	103150223	Phan Duy Tính	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	209014116201512	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	2	2	
224	103150216	Ngô Văn Thảo	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	319004116201581	Xác suất thống kê	4	4	
225	111150030	Nguyễn Thị Linh	15THXD	Kỹ thuật Xây dựng	105093116201546	Kỹ thuật điện	5	6	
226	111130004	Hồ Hoàng Bách	13THXD1	Kỹ thuật Xây dựng	109103316201378	Cầu bê tông cốt thép	3	2	
227	111130070	Nguyễn Phước Quý Đạt	13THXD2	Kỹ thuật Xây dựng	109103316201378	Cầu bê tông cốt thép	3	2	
228	109150135	Lê Hữu Minh Đức	15X3C	Kỹ thuật XD công trình GT	109003316201567	Địa chất công trình	5	5	
229	109140116	Võ Văn Anh Tuấn	14X3A	Kỹ thuật XD công trình GT	109099016201460	Nền và Móng	3	3	
230	109140184	Hồ Văn Thức	14X3B	Kỹ thuật XD công trình GT	109102216201460	Toán chuyên ngành	6	6	
231	109130182	Nguyễn Văn Hợi	13X3C	Kỹ thuật XD công trình GT	109108316201361	Thi công Nền đường	2	2	
232	109140173	Phan Văn Sang	14X3B	Kỹ thuật XD công trình GT	110006216201459	Kết cấu bê tông cốt thép 1	1.5	1.5	
233	109140184	Hồ Văn Thức	14X3B	Kỹ thuật XD công trình GT	110006216201460	Kết cấu bê tông cốt thép 1	5	5	
234	109140108	Lê Thanh Quốc Tiến	14X3A	Kỹ thuật XD công trình GT	110205016201459	Cơ học kết cấu 2	2	2	
235	109150135	Lê Hữu Minh Đức	15X3C	Kỹ thuật XD công trình GT	111127216201560	Thủy lực	3.5	3.5	
236	109160099	Nguyễn Quốc Hùng	16X3A	Kỹ thuật XD công trình GT	319012116201648	Giải tích 2	3	5	
237	109160245	Nguyễn Từ Đại Việt	16X3CLC	Kỹ thuật XD công trình GT - CLC	209014116201663	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3.5	3.5	
238	118150112	Nguyễn Thành Dự	15QLCN	Quản lý công nghiệp	108049116201585	Cơ học ứng dụng	1	1	
239	118130165	Đặng Thị Khánh Ly	13QLCN	Quản lý công nghiệp	118098316201385	Quản lý chuỗi cung ứng	4	4	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
240	118130132	Lê Quốc Dân	13QLCN	Quản lý công nghiệp	118098316201386	Quản lý chuỗi cung ứng	4	4	
241	118160162	Nguyễn Thương Thương	16QLCN	Quản lý công nghiệp	319012116201684	Giải tích 2	1.5	1.5	
242	117150100	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	104045116201505	Kỹ thuật nhiệt	3	3	
243	117150114	Trần Lê Nguyên Phước	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	106106216201581	Kỹ thuật Điện tử	3	3	
244	117150129	Trần Thị Thanh Thủy	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	111127216201581	Thủy lực	2.5	2.5	
245	117150134	Lê Tịnh	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	111127216201581	Thủy lực	0	4	
246	117150114	Trần Lê Nguyên Phước	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	305001116201623	Vật lý 1	1	2	
247	117150148	Trần Quốc Kỳ Văn	15QLMT	Quản lý Tài nguyên và MT	319013116201681	Đại số	1	1	
248	108160041	Nguyễn Đức Thắng	16SK	Sư phạm KT Công Nghiệp	305001116201645	Vật lý 1	0	4	

Danh sách gồm: 248 sinh viên

Người lập biểu


Nguyễn Văn Khai

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2017

TL HIỆU TRƯỞNG
KT TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CVC. ThS. Nguyễn Thanh Nam